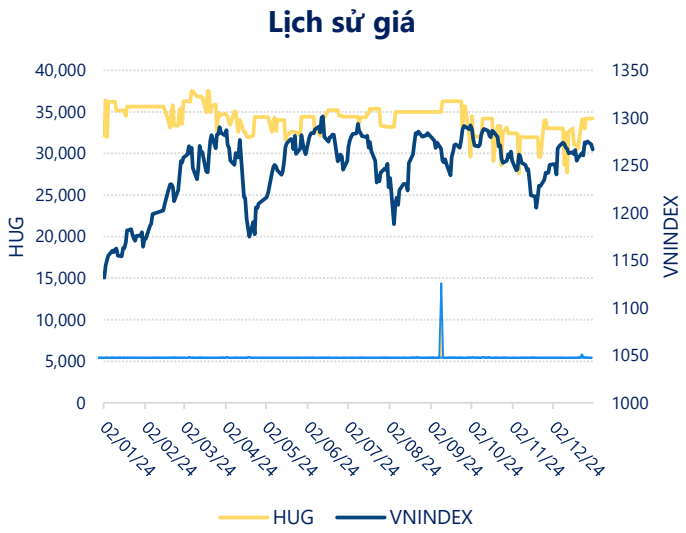
# Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP (UPCOM: HUG)

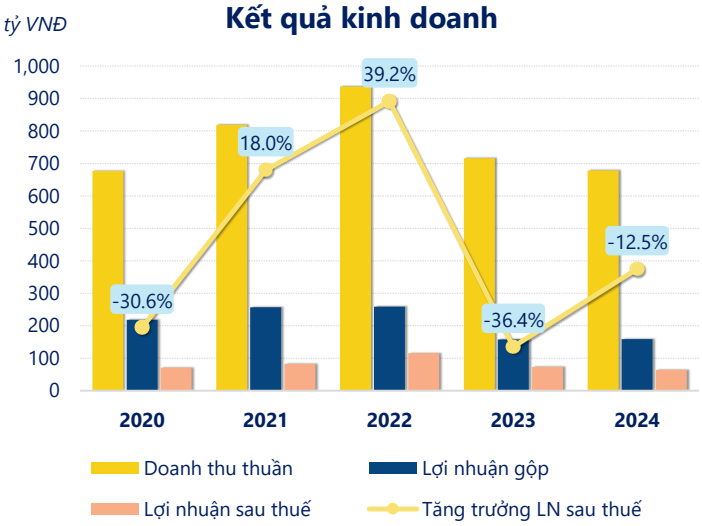
FireAnt

# KẾT QUẢ KINH DOANH

| Ngày 31/12/2024 | 34,200 VNĐ | | |
|---|---|---|---|
| **Thay đổi** | *1 tháng* | *3 tháng* | *6 tháng* |
| | 3.6% | 6.8% | -0.6% |

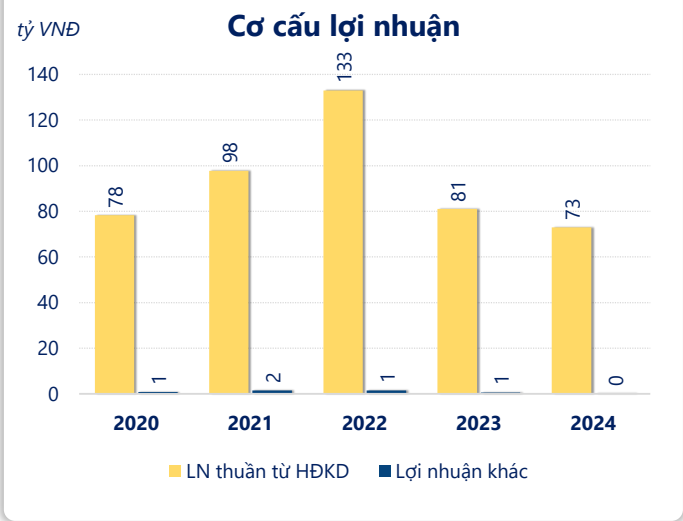
| | 2024 | YoY |
|---|---|---|
| **DT thuần** | 678 tỷ VNĐ | ▼ 38.0<br>▼ 5.3% |
| **LN gộp** | 159 tỷ VNĐ | ▲ 1.00<br>▲ 0.7% |
| **LN thuần** | 73.0 tỷ VNĐ | ▼ 8.00<br>▼ 9.9% |
| **LN sau thuế** | 64.2 tỷ VNĐ | ▼ 9.20<br>▼ 12.5% |
| **ROE** | 21.8% | +/- YoY<br>▲ 0.8% |
| **ROA** | 10.3% | +/- YoY<br>▼ 0.5% |

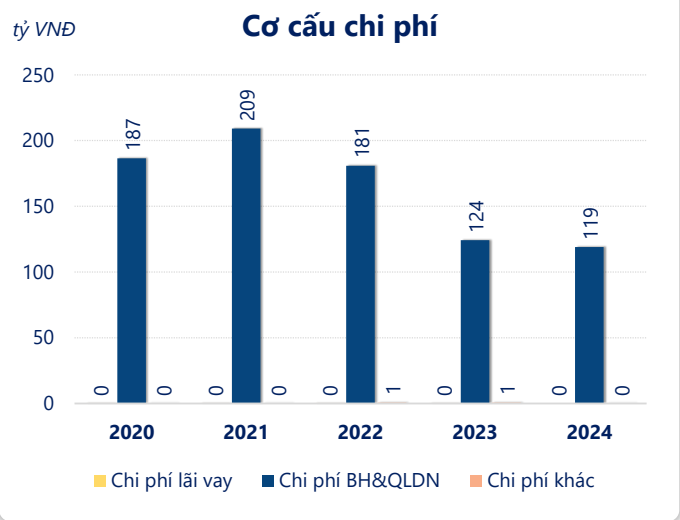



Năm **2024**, **HUG** ghi nhận doanh thu thuần **678.4** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **64.23** tỷ đồng, lần lượt **giảm 5.29%** và **giảm 12.5%** so với năm trước.

Công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng doanh thu cũng như lợi nhuận so với năm trước. Với mức **ROE** đạt **21.8%** cho thấy tình hình kinh doanh vẫn khá tốt, tuy nhiên cần cải thiện để đạt kết quả tốt hơn.

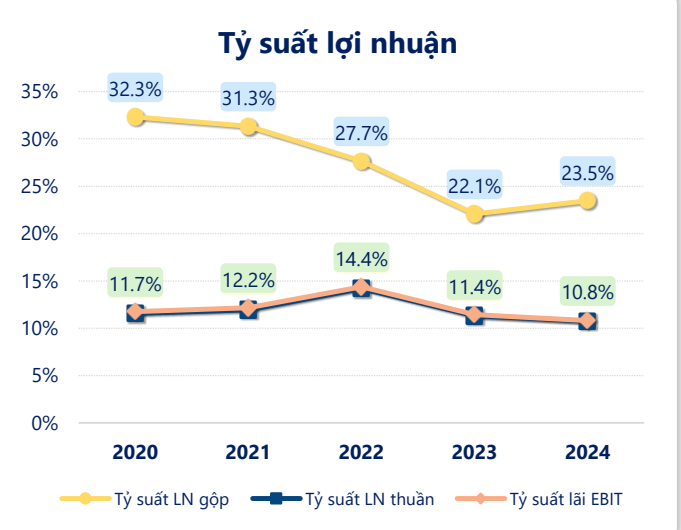


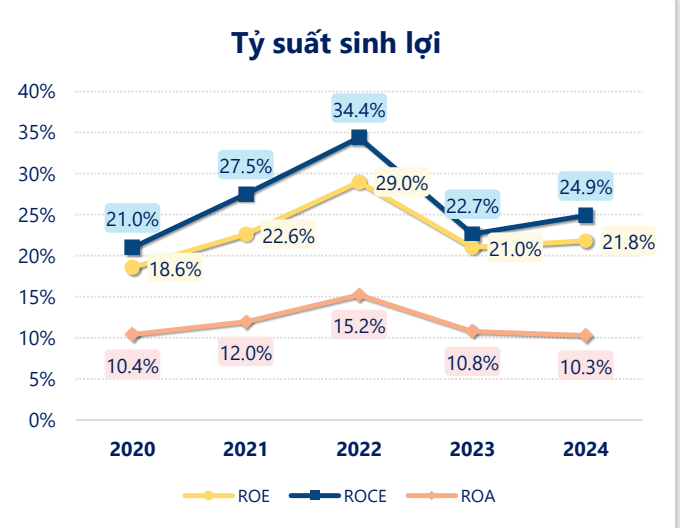




Năm **2024**, **HUG** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **72.97** tỷ đồng, **giảm đi 8.01** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (92.57 tỷ đồng) là 19.61 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

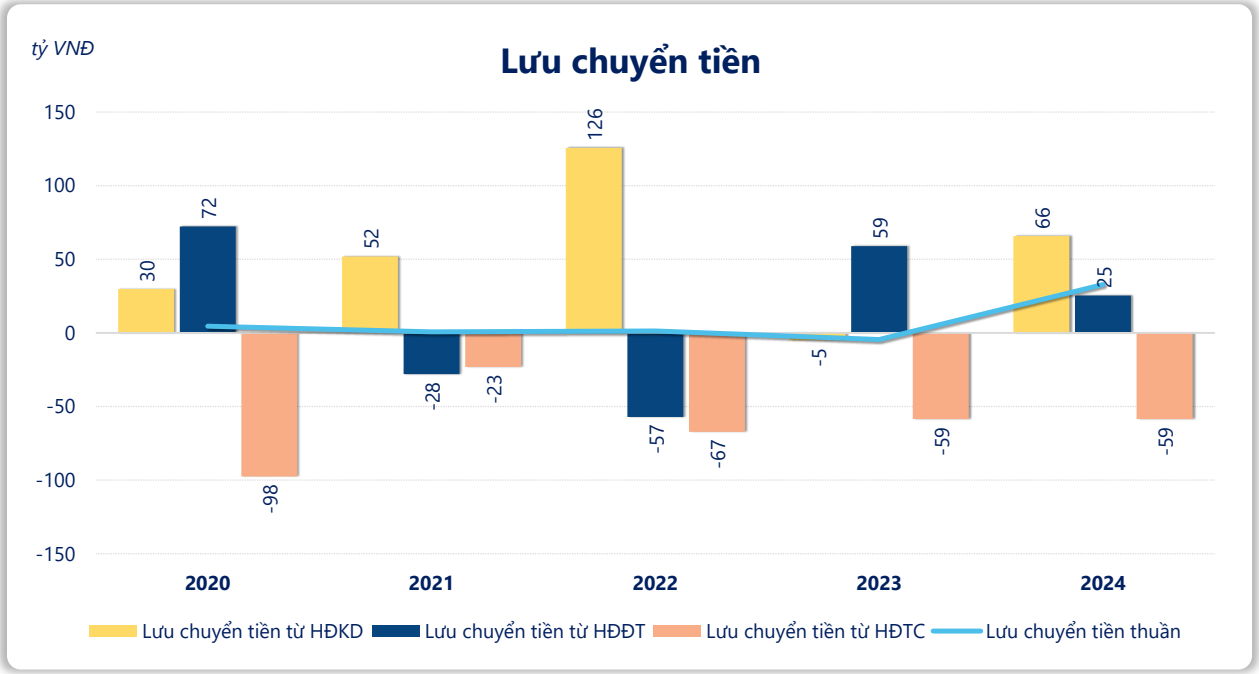
**Chi phí lãi vay giảm xuống** so với năm trước, còn **0.00** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **119.0** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.14** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

**ROE** của HUG năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **21.8%**, tuy nhiên vẫn **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | **676** | **819** | **937** | **716** | **678** |
| Giá vốn hàng bán | 458 | 562 | 678 | 558 | 519 |
| **Lợi nhuận gộp** | **219** | **257** | **259** | **158** | **159** |
| Doanh thu HĐTC | 24.6 | 21.4 | 30.7 | 47.8 | 35.6 |
| Chi phí TC | 1.36 | -0.75 | 4.42 | 2.47 | 2.74 |
| **Chi phí lãi vay** | **0.41** | **0.39** | **0.29** | **0.38** | **0** |
| LN trong công ty LKLD | 23.0 | 28.1 | 28.3 | 1.90 | 0 |
| Chi phí bán hàng | 98.3 | 107 | 96.0 | 77.5 | 66.7 |
| Chi phí QLDN | 88.3 | 102 | 84.8 | 46.8 | 52.4 |
| **LN thuần từ HĐKD** | **78.3** | **97.7** | **133** | **81.0** | **73.0** |
| Lợi nhuận khác | 0.76 | 1.51 | 1.41 | 0.50 | 0.31 |
| **LN trước thuế** | **79.0** | **99.2** | **134** | **81.5** | **73.3** |
| **Lợi nhuận sau thuế** | **70.4** | **83.0** | **116** | **73.4** | **64.2** |
| **LNST của CĐ cty mẹ** | **70.1** | **81.9** | **113** | **76.0** | **64.2** |




**Lưu chuyển tiền thuần** năm 2024 của HUG bằng **32.85** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-4.50 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **65.91** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **25.48** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-58.53** tỷ đồng.